

PHỤ LỤC II

DANH MỤC BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025

(Đính kèm Quyết định số 532 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Bình Thuận)

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|----------|---|---------------------------|--|---|------------------------------|
| I | Huyện Tuy Phong | 13 hạng mục | | | 4.025 |
| 1 | Sửa chữa kênh chính Cây Cà, hồ Lòng Sông. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | - Đoạn từ K2+275 đến K2+285 bờ tả bị bể. - Đoạn từ K3+232 đến K4+120, bờ tả, bờ hữu bị bể tại một số vị trí. - Đoạn từ K6+320 đến K6+325, các tấm lát bê tông đáy và mái kênh bị đẩy nổi, gãy sập. | Sửa chữa bờ tả kênh chính Cây Cà đoạn từ K2+275 đến K2+285 và bờ tả, bờ hữu kênh đoạn từ K3+232 đến K4+120 bằng đắp đất chọn lọc hoàn trả các vị trí bị bể bờ. - Sửa chữa các tấm lát đáy kênh bị đẩy nổi và các tấm lát mái kênh bị gãy sập trên kênh chính Cây Cà đoạn từ K6+320 đến K6+325 bằng tấm lát BTCT. | 280 |
| 2 | Sửa chữa cửa vào cống lấy nước đầu mối hồ Đá Bạc. | Cống | Khu vực cửa vào cống lấy nước đầu mối hồ Đá Bạc bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng tại khu vực cửa vào cống lấy nước đầu mối hồ Đá Bạc, dài 100 m.. | 50 |
| 3 | Sửa chữa các kênh C3, C05, C6, hồ Lòng Sông. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh C3, đoạn từ K0+780 đến K0+785, K0+825 đến K0+855; kênh C05, đoạn từ K0+350 đến K0+360, K0+415 đến K0+425; kênh C6, đoạn từ K1+485 đến K1+505, K1+813 đến K1+838 bị gãy, sập, gây thất thoát nước trong kênh, đe dọa đến sự ổn định và an toàn cho công trình. | - Sửa chữa kênh C3 đoạn từ K0+780 đến K0+785, K0+825 đến K0+855; kênh C05 đoạn từ K0+350 đến K0+360, K0+415 đến K0+425 bằng BTCT, mặt cắt chữ nhật. - Sửa chữa kênh C6 đoạn từ K1+485 đến K1+505, K1+813 đến K1+838 bằng BTCT, mặt cắt hình | 180 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|----|--|---------------------------|---|---|------------------------------|
| | | | | thang. | |
| 4 | Sửa chữa kênh chính Tuy Tịnh, hồ Lòng Sông. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K1+217 đến K4+629; K5+729 đến K6+381, đáy kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính Tuy Tịnh, dài 4.064m. | 80 |
| 5 | Sửa chữa các kênh Mương Ó, T8, N2, đập Tuy Tịnh. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | - Kênh Mương Ó: Cầu máng trên kênh dài 70m (từ K0 đến K0+070), lớp bê tông mặt cầu máng bị rỗ, nứt, thủng; kênh đoạn từ K0+070 đến K3+000, đáy kênh bị bồi lắng. - Kênh T8 đoạn từ K0+000 đến K3+100; kênh N2 đoạn từ K0+000 đến K0+700, đáy kênh bị bồi lắng. | - Sửa chữa kênh Mương Ó: Gia cố lớp bê tông trên mặt cầu máng dài 70 m; nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh đoạn từ K0+070 đến K3+000, dài 2.930m. - Nạo vét khối lượng đất bồi lắng trong lòng kênh T8 đoạn từ K0+000 đến K3+100, dài 3.100m và kênh N2 đoạn từ K0+000 đến K0+700, dài 700m. | 135 |
| 6 | Sửa chữa kênh chính Tây, kênh Tà Uông - Tà Cang, hồ Phan Dũng. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh Chính Tây đoạn từ K0 đến K0+080, K0+375 đến K1+775; kênh Tà Uông - Tà Cang đoạn từ K0 đến K0+248, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh Chính Tây đoạn từ K0 đến K0+080, K0+375 đến K1+775, dài 1.480m và kênh Tà Uông - Tà Cang đoạn từ K0 đến K0+248, dài 248m. | 45 |
| 7 | Sửa chữa kênh tiếp nước Lòng Sông – Đá Bạc. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K3+650 đến K11+226, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh tiếp nước Lòng Sông – Đá Bạc đoạn từ K3+650 đến K11+226, dài 7.576m. | 285 |
| 8 | Sửa chữa kênh N2, hồ Đá Bạc. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+000 đến K0+200, K1+152 đến K1+388 kết cấu đá xây, hiện nay bị gãy, sập hoàn toàn. | Sửa chữa kênh N2 hồ Đá Bạc đoạn từ K0+000 đến K0+200, K1+152 đến K1+388, dài 436m từ đá xây sang BTCT, hình thức kênh hở, mặt cắt chữ nhật. | 930 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|-----------|--|--|--|--|-------------------------------------|
| 9 | Sửa chữa cụm điều tiết Tà Mo - Mường Máng, hệ thống hồ Lòng Sông. | Đập; hệ thống dẫn, chuyển nước | Công trình hiện bị gãy, sập hoàn toàn, không còn khả năng điều tiết và cấp nước. | Khôi phục cụm điều tiết Tà Mo – Mường Máng thành đập tràn thành mỏng, kết hợp bố 02 cống lấy nước bên tả bên hữu đập tràn, kết cấu bê tông đá 2x4 M200 và BTCT đá 1x2 M250. Bố trí cửa van điều tiết, thiết bị vận hành cừavan. | 530 |
| 10 | Sửa chữa đoạn kênh dẫn hạ lưu cống lấy nước đầu kênh tiếp nước Lòng Sông - Đá Bạc. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Khi hồ Lòng Sông xả lũ, nước tràn qua đỉnh tường đoạn kênh dẫn hạ lưu cống với chiều dài khoảng 20m, gây mất ổn định kênh, khó khăn trong việc điều tiết nước. | Tôn cao tường đoạn kênh dẫn hạ lưu cống lấy nước đầu kênh tiếp nước Lòng Sông - Đá Bạc dài 20m bằng bê tông. | 30 |
| 11 | Sửa chữa kênh tưới xã Vĩnh Tân đoạn từ K0+000 đến K4+477 và cống qua đường tại K2+463. | Hệ thống dẫn, chuyển nước; Cống | - Kênh đoạn từ K0+000 đến K4+477, lòng kênh bị bồi lắng. - Cống qua đường tại K2+463, kết cấu ống buy ly tâm, hiện bị hư hỏng hoàn toàn. | - Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh tưới xã Vĩnh Tân đoạn từ K0+000 đến K4+477, dài 4.477m. - Sửa chữa cống qua đường tại K2+463 trên kênh tưới xã Vĩnh Tân từ ống buy ly tâm sang cống hở, mặt cắt chữ nhật, kết cấu bê tông và BTCT. | 470 |
| 12 | Sửa chữa nhà Chi nhánh Tuy Phong. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | - Nhà: Tường trong và tường ngoài nhà bị bong tróc lớp sơn. - Sân mặt trước: Mặt sân bị lún sụt, bong tróc lớp bê tông, gây đọng nước khi có mưa. - Hàng rào 02 mặt hông và mặt sau: | - Nhà: Tường trong và tường ngoài, cạo bỏ lớp sơn cũ tại các vị trí bị bong tróc, hoàn thiện lại bằng sơn nước. - Sân mặt trước: Đổ bù lớp bê tông trên bề mặt sân, bên trên lát gạch ceramic với tổng diện tích sửa chữa | 720 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|-----------|---|---------------------------------------|---|---|------------------------------|
| | | | Lớp sơn bị bong tróc. | 580m ² . - Hàng rào 02 mặt hông và mặt sau: Cạo bỏ lớp sơn cũ tại các vị trí bị bong tróc, hoàn thiện lại bằng sơn nước. | |
| 13 | Sửa chữa công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác hồ Đá Bạc. | Công trình phụ trợ quản lý khai thác. | - Tuyến đường quản lý từ tràn xả lũ đến nhà quản lý dài 135m bị lún sụt, bề mặt bị bong tróc, gây đọng nước khi có mưa. - Hàng rào phía hạ lưu đập chính hồ Đá Bạc bằng cọc gỗ căng dây thép gai, hiện bị hư hỏng hoàn toàn. | - Sửa chữa tuyến đường quản lý từ tràn xả lũ đến nhà quản lý dài 135m bằng giải pháp đắp đất hoàn trả các vị trí bị lún sụt, trên bề mặt đổ bù lõi bê tông. - Sửa chữa hàng rào phía hạ lưu đập chính từ cọc gỗ sang trụ BTCT, trong căng dây kẽm gai, chiều dài 650m. | 290 |
| II | Huyện Bắc Bình | 27 hạng mục | | | 9.265 |
| 1 | Sửa chữa kênh chính đập Ma Ó. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K6+685 đến K6+965, đáy kênh bồi lắng, mái tả và mái hữu bị sạt lở. | Sửa chữa kênh chính đập Ma Ó đoạn từ K6+685 đến K6+965 dài 80 m (trong đó đoạn K6+685 đến K6+950, kênh hở BTCT, mặt cắt chữ nhật; đoạn K6+950 đến K6+965, nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh). | 960 |
| 2 | Sửa chữa bờ hữu kênh Ủy Thay - Đá Giá. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Bờ hữu kênh đoạn từ K4+660 đến K6+430 bị lún, sụt. | Sửa chữa bờ hữu kênh Ủy Thay - Đá Giá đoạn từ K4+660 đến K6+430, dài 1.770m bằng đắp đất chọn lọc. | 350 |
| 3 | Sửa chữa Cổng qua khu tưới kênh | Cổng | Cổng bằng ống buy ly tâm, hiện bị hư | Sửa chữa cổng qua khu tưới kênh | 300 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|----|---|--|---|---|------------------------------|
| | Nam Tà Mú. | | hồng hoàn toàn. | Nam Tà Mú từ ống buy ly tâm sang cống hở, mặt cắt chữ nhật, kết cấu bê tông và BTCT. | |
| 4 | Sửa chữa mái tả kênh chính đập Ủy Thay. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Mái tả đoạn từ K0+545 đến K0+730 bị sạt lở nghiêm trọng. | Sửa chữa mái tả kênh chính đập Ủy Thay đoạn từ K0+545 đến K0+730, dài 185m bằng tường bê tông trọng lực, mặt cắt hình thang. | 970 |
| 5 | Sửa chữa kênh D14-6, dự án tưới Phan Rí – Phan Thiết. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Tại các đoạn: Từ K0+900 đến K0+910, K1+050 đến K1+060 và K1+075 đến K1+085, tấm lát đáy kênh bị đẩy nổi và các tấm lát mái phía lòng kênh bị gãy sập. | Sửa chữa các tấm lát đáy và mái kênh bị đẩy nổi, gãy sập tại các đoạn từ K0+900 đến K0+910, K1+050 đến K1+060 và K1+075 đến K1+085 trên kênh D14-6, dự án tưới Phan Rí – Phan Thiết bằng tấm lát BTCT, dài 30m. | 80 |
| 6 | Sửa chữa kênh chính đập Cần Răng. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+000 đến K0+231 bị sạt lở nghiêm trọng. | Sửa chữa kênh chính đập Cần Răng đoạn từ K0+000 đến K0+231, dài 231m bằng BTCT, hình thức kênh hở, mặt cắt chữ nhật. | 930 |
| 7 | Sửa chữa kênh D2, dự án tưới Phan Rí – Phan Thiết. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+160 đến K2+325, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh kênh D2, dự án tưới Phan Rí – Phan Thiết đoạn từ K0+160 đến K2+325, dài 2.165m. | 75 |
| 8 | Sửa chữa công trình phụ trợ trạm quản lý Phan Lâm - Phan Sơn. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | - Nhà quản lý: Lớp sơn tường trong và ngoài nhà bị bong tróc. - Mái che mặt trước nhà quản lý bị hư hỏng hoàn toàn. | - Cạo bỏ lớp sơn tường trong và ngoài nhà quản lý, hoàn thiện lại bằng sơn nước. - Sửa chữa mái che mặt trước nhà | 160 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|----|--|---------------------------|---|--|------------------------------|
| | | | | quản lý với tổng diện tích 100m ² . | |
| 9 | Sửa chữa kênh chính đập É Chim. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+030 đến K1+254, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính đập É Chim đoạn từ K0+030 đến K1+254, dài 1.254m. | 50 |
| 10 | Sửa chữa cụm điều tiết tại K2+113 trên kênh chính đập Sông Khiêng. | Cống | Kết cấu bằng đá xây, hiện bị hư hỏng hoàn toàn. | Sửa chữa lại cụm điều tiết tại K2+113 trên kênh chính đập Sông Khiêng trên nền công trình hiện hữu từ đá xây sang bê tông và BTCT. | 225 |
| 11 | Sửa chữa kênh chính Tú Sơn. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K4+254 đến K4+514, đáy kênh bồi lắng, mái tả và mái hữu bị sạt lở. | Sửa chữa kênh chính Tú Sơn đoạn từ K4+254 đến K4+514 dài 260m bằng BTCT, hình thức kênh hở, mặt cắt chữ nhật. | 900 |
| 12 | Sửa chữa kênh chính Tây, kênh chính Đông, đập Đồng Mới. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh chính Tây đoạn K7+460 đến K11+340; kênh chính Đông đoạn từ K1+200 đến K2+200, lòng kênh bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính Tây đoạn K7+460 đến K11+340 và kênh chính Đông đoạn từ K1+200 đến K2+200, đập Đồng Mới, 4.900m. | 300 |
| 13 | Sửa chữa kênh chính đập Chà Vầu. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | - Kênh chính đoạn từ K5+500 đến K7+200 và K8+200 đến K9+450, lòng kênh bị bồi lắng. - Máng tiêu nước qua kênh tại K8+857, cửa vào, cửa ra bị gãy sập, thân máng bằng ống thép bị rỉ sét, thủng lỗ. | - Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính đập Chà Vầu đoạn từ K5+500 đến K7+200 và K8+200 đến K9+450, dài 2.950m. - Khôi phục lại Máng tiêu nước qua kênh bằng giải pháp sửa chữa lại cửa vào, cửa ra bằng kết cấu bê tông, khôi phục thân máng bằng ống thép đường kính 40cm. | 125 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|-----------|---|--|---|---|-------------------------------------|
| 14 | Sửa chữa kênh chính đập Nha Mung. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+000 đến K2+500, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính đập Nha Mung đoạn từ K0+000 đến K2+500, dài 2.500m. | 150 |
| 15 | Sửa chữa kênh D8-20, dự án tưới Phan Rí – Phan Thiết. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K1+300 đến K3+000, lòng kênh bị bồi lắng; đoạn từ K4+750 đến K5+250, bờ tả kênh bị lún, sụt. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh D8-20 đoạn từ K1+300 đến K3+000, dài 1.700m và sửa chữa bờ tả kênh đoạn từ K4+750 đến K5+250, dài 500m bằng đất chọn lọc. | 250 |
| 16 | Sửa chữa kênh Hoàn chỉnh Sông Lũy - Cà Giây. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+000 đến K2+000, K9+000 đến K11+920, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh Hoàn chỉnh Sông Lũy - Cà Giây đoạn từ K0+000 đến K2+000, K9+000 đến K11+920, dài 4.920m. | 350 |
| 17 | Sửa chữa nhà Chi nhánh Bắc Bình. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | Nhà vệ sinh tầng trệt và tầng 2 hiện hư hỏng hoàn toàn. | Phá dỡ nhà vệ sinh tầng trệt, tầng 2 để kết hợp mở rộng phòng họp, phòng QLN và Công trình, sơn lại tường, nền lát gạch men. Bố trí nhà vệ sinh mới bên ngoài trụ sở. | 500 |
| 18 | Sửa chữa rãnh thoát nước mái hạ lưu, kênh tiêu hạ lưu đập chính, đập phụ hồ Sông Lũy. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Rãnh thoát nước mái hạ lưu, kênh tiêu hạ lưu đập chính, đập phụ hồ Sông Lũy bị bồi lấp, hạn chế khả năng tiêu thoát nước. | Nạo vét khối lượng đất bồi lắng trong rãnh thoát nước mái hạ lưu, lòng kênh tiêu hạ lưu đập chính, đập phụ hồ Sông Lũy. | 250 |
| 19 | Sửa chữa cửa vào, cửa ra cống qua đường tại K0+245 trên kênh Tà Mú – Suối Măng. | Cống | Cửa vào, cửa ra cống qua đường tại K0+245 trên kênh Tà Mú – Suối Măng bị xói lở, gây mất an toàn công | Sửa chữa bộ phận cửa vào, cửa ra cống qua đường bằng kết cấu bê tông. | 230 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|-----------|---|--|--|---|-------------------------------------|
| | | | trình. | | |
| 20 | Sửa chữa mái tả kênh xả hạ lưu tràn xả sâu hồ Cà Giây. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Mái tả kênh xả hạ lưu tràn xả sâu hồ Cà Giây, kết cấu đất, hiện xói lở, gây mất ổn định bờ tả kênh. | Khôi phục lại mái tả kênh hạ lưu tràn xả sâu hồ Cà Giây bằng tường bê tông trọng lực, mặt cắt hình thang. | 400 |
| 21 | Sửa chữa bờ hữu kênh chính hồ Cà Giây. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Bờ hữu kênh đoạn từ K3+535 đến K5+250 bị lún, sụt, thường xuyên đọng nước khi có mưa. | Đắp đất chọn lọc hoàn trả các vị trí bị lún, sụt bên bờ hữu kênh chính hồ Cà Giây, dài 1.715m. | 350 |
| 22 | Sửa chữa cửa lấy nước đập 812 | Đập | Khu vực thượng lưu đập 812 (trước cửa vào cống lấy nước kênh hoàn chỉnh Sông Lũy – Cà Giây và kênh tiếp nước 812 – Châu Tá) bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng phía thượng lưu đập 812 trước cửa vào cống lấy nước kênh hoàn chỉnh Sông Lũy – Cà Giây và kênh tiếp nước 812 – Châu Tá, dài 50m. | 380 |
| 23 | Sửa chữa đường điện phục vụ quản lý, khai thác đập 812. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | Nguồn điện phục vụ sinh hoạt tại nhà quản lý đập 812 chưa có, gây khó khăn trong sinh hoạt đối với lực lượng cán bộ, công nhân quản lý công trình. | Lắp hệ thống điện năng lượng mặt trời với công suất 10KV phục vụ sinh hoạt tại nhà quản lý đập 812. | 200 |
| 24 | Sửa chữa công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác trạm quản lý đập Tú Sơn. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | Hàng rào xung quanh nhà quản lý đập Tú Sơn được phân định ranh giới bằng cọc gỗ, căng dây kẽm gai, hiện hư hỏng hoàn toàn. | Sửa chữa hàng rào xung quanh nhà quản lý đập Tú Sơn từ cọc gỗ sang trụ BTCT, trong căng dây kẽm gai, chiều dài 455m. | 100 |
| 25 | Sửa chữa đường vào nhà trạm bơm cấp 1, trạm bơm Lê Hồng Phong. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | Đường vào nhà trạm bơm cấp 1 dài 150m, mặt đường bị lún sụt, gây đọng nước khi có mưa, khó khăn trong việc | Sửa chữa đường vào nhà trạm bơm cấp 1, trạm bơm Lê Hồng Phong, dài 150m bằng giải pháp đắp đất chọn lọc hoàn trả các vị trí bị lún | 300 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|------------|---|--|--|---|------------------------------|
| | | | di chuyển, đi lại. | sụt, mặt đường gia cố lớp bê tông. | |
| 26 | Sửa chữa mái bảo vệ nhà trạm bơm cấp 1, trạm bơm Lê Hồng Phong. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | Mái bảo vệ nhà trạm bơm cấp 1 bị sạt, lở nghiêm trọng, gây mất an toàn cho nhà trạm bơm. | Gia cố mái bảo vệ nhà trạm bơm cấp 1 bằng tấm lát bê tông đúc sẵn, bên trong chia ô trống cỏ với tổng diện tích 4.500m ² . | 400 |
| 27 | Sửa chữa bể hút trạm bơm cấp 2, kênh chính Tây, trạm bơm Lê Hồng Phong. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | - Lòng bể hút trạm bơm cấp 2 bồi lấp. - Kênh chính Tây đoạn từ K14+150 đến K15+500, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lấp trong bể hút trạm bơm cấp 2; nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính Tây, dài 1.350m. | 60 |
| III | Huyện Hàm Thuận Bắc | 25 hạng mục | | | 10.220 |
| 1 | Sửa chữa hàng rào khuôn viên khu đầu mối hồ Suối Trâm. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | Hàng rào khuôn viên khu đầu mối hồ Suối Trâm bằng cọc gỗ, căng dây kẽm, hiện hư hỏng hoàn toàn. | Sửa chữa hàng rào khuôn viên khu đầu mối hồ Suối Trâm với chiều dài 24m, mặt trước và mặt hông bố trí cổng ra vào. | 50 |
| 2 | Sửa chữa kênh T1, kênh chính Thôn 4, hồ Suối Đá. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh T1 đoạn từ K0+000 đến K1+200; kênh chính Thôn 4 đoạn từ K0+000 đến K3+500, lòng các kênh bị bồi lấp. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh T1 đoạn từ K0+000 đến K1+200, dài 1.200m và chính Thôn 4 đoạn từ K0+000 đến K3+500, dài 3.500m. | 55 |
| 3 | Sửa chữa các kênh: Dầu, Đại Đồn, Trại Lớn, Làng, Giang Mâu - Hồng Sơn, Châu Tá mới; Châu Tá cũ; Cây Liêm thuộc hệ thống kênh tiếp nước 812 – Châu Tá. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh Dầu, đoạn từ K0+000 đến K2+056; Đại Đồn, đoạn từ K2+500 đến K4+420; Trại Lớn, đoạn từ K0+000 đến K0+838; Làng, đoạn từ K0+000 đến K1+200; Giang Mâu - Hồng Sơn, đoạn từ K1+760 đến K3+300; Châu Tá mới, đoạn từ | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh Dầu, đoạn từ K0+000 đến K2+056; Đại Đồn, đoạn từ K2+500 đến K4+420; Trại Lớn, đoạn từ K0+000 đến K0+838; Làng, đoạn từ K0+000 đến K1+200; Giang Mâu - Hồng Sơn, đoạn từ K1+760 | 380 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|----|---|--|--|--|------------------------------|
| | | | K0+000 đến K2+300; Châu Tá cũ, đoạn từ K0+000 đến K7+700; Cây Liêm, đoạn từ K0+000 đến K2+500, lòng kênh bị bồi lắng. | đến K3+300; Châu Tá mới, đoạn từ K0+000 đến K2+300; Châu Tá cũ, đoạn từ K0+000 đến K7+700; Cây Liêm, đoạn từ K0+000 đến K2+500 với tổng chiều dài 19.938m. | |
| 4 | Sửa chữa các kênh: Tam Lang, Hàm Đức, hệ thống đập Giếng Chanh. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh Tam Lang đoạn từ K0+000 đến K2+137; kênh Hàm Đức đoạn từ K0+345 đến K2+572, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh Tam Lang đoạn từ K0+000 đến K2+137 và kênh Hàm Đức đoạn từ K0+345 đến K2+572, dài 4.364m. | 75 |
| 5 | Sửa chữa kênh Bọng Nhỏ, kênh Cút, hệ thống đập Ô Xuyên. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh Bọng nhỏ đoạn từ K0+000 đến K1+408; kênh Cút đoạn từ K0+000 đến K2+600, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh Bọng nhỏ đoạn từ K0+000 đến K1+408 và kênh Cút đoạn từ K0+000 đến K2+600, dài 4.008m. | 75 |
| 6 | Sửa chữa công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác hồ Cẩm Hang. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | Nhà cấp IV, nền chừa gia cố lớp bê tông và lát gạch; tường, cột, dầm, trần chừa tô trát vữa, bả mastic, sơn nước, ốp gạch; chừa bố trí la thông trần; chừa bố trí hệ thống cửa đi, cửa sổ, hệ thống điện, hệ thống nước sinh hoạt; sân nền, hệ thống thoát nước. | Nền gia cố lớp bê tông và lát gạch; tường, cột, dầm, trần tô trát vữa, bả mastic, sơn nước, ốp gạch; bố trí la thông trần; bố trí hệ thống cửa đi, cửa sổ, hệ thống điện, hệ thống nước sinh hoạt; sửa chữa nhà vệ sinh; sân nền, hệ thống thoát nước. | 775 |
| 7 | Sửa chữa các kênh N9, N17, N23, N29 và Cụm điều tiết tại K1+730 trên kênh Bà Chỉ, hồ Sông Quao. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | - Kênh N9, đoạn từ K0+987 đến K2+768, lòng kênh bồi lắng. - Kênh N17, đoạn từ K3+350 đến K3+362, từ K3+465 đến K3+475; Kênh N23, đoạn từ K3+903 đến K4+053; Kênh N29, đoạn từ K2+250 | - Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh N9 đoạn từ K0+987 đến K2+768, dài 1.781m. - Đắp đất chọn lọc tại các vị trí bị lún sụt bờ kênh N17, đoạn từ K3+350 đến K3+362, từ K3+465 | 185 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|----|---|--|--|--|------------------------------|
| | | | đến K32+286, bờ kênh bị lún, sụt. - Cụm điều tiết tại K1+730 trên kênh Bà Chỉ, ngưỡng cụm điều tiết bị gãy, sập, sàn cầu công tác bị hư hỏng. | đến K3+475; kênh N23, đoạn từ K3+903 đến K4+053; kênh N29, đoạn từ K2+250 đến K32+286. - Sửa chữa ngưỡng cụm điều tiết và cầu công tác tại K1+730 trên kênh Bà Chỉ bằng bê tông và BTCT, bố trí cửa van, thiết bị đóng mở cụm điều tiết. | |
| 8 | Sửa chữa mái tả kênh Trũng Găng, bàu Trũng Giăng. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Mái tả đoạn từ K0+390 đến K0+440, bị sạt lở nghiêm trọng, gây mất ổn định kênh. | Sửa chữa mái tả kênh Trũng Găng đoạn từ K0+390 đến K0+440, dài 50m từ mái đất sang bê tông. | 100 |
| 9 | Cắm mốc chỉ giới đường quản lý liên hồ Bông Dầu - hồ Thiềm - Găng Làng - Bà Niên. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | Trong hành lang bảo vệ đường quản lý liên hồ Bông Dầu - hồ Thiềm - Găng Làng - Bà Niên chưa cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ để phân định ranh giới phạm vi bảo vệ, nhằm cung cấp thông tin đến các tổ chức, cá nhân biết phạm vi không được phép lấn chiếm và tác động lên công trình. | Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đường quản lý liên hồ Bông Dầu - hồ Thiềm - Găng Làng - Bà Niên theo quy định tại Luật Thủy lợi và Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. | 50 |
| 10 | Sửa chữa kênh N27, hồ Sông Quao. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K4+520 đến K4+982,5, đáy kênh bồi lắng, mái tả và mái hữu bị sạt lở. | Sửa chữa kênh N27 đoạn từ K4+520 đến K4+982,5, dài 462,50m bằng BTCT, hình thức kênh hở, mặt cắt chữ nhật. | 940 |
| 11 | Sửa chữa hàng rào, sân nền nhà Chi nhánh Hàm Thuận Bắc. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai | - Hàng rào mặt trước bị gãy, sập. - Nền sân xung quanh nhà trụ sở thấp hơn so với mặt đường QL28, khi có mưa lớn, gây ngập. | - Sửa chữa lại hàng rào mặt trước, chiều dài 48m. - Đắp đất bồi nền sân xung quanh | 990 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|----|---|--|--|--|------------------------------|
| | | thác thủy lợi | | nhà trụ sở đến cao trình 26.45m, trên bề mặt gia cố lớp bê tông đá 1x2 M200 với tổng diện tích sửa chữa 1.585m ² . | |
| 12 | Sửa chữa cụm điều tiết khu tưới vùng 3, hồ Suối Đá | Đập; hệ thống dẫn, chuyển | Kết cấu bằng đá xây, hiện bị gãy sập hoàn toàn. | Trên nền cụm điều tiết khu tưới vùng 3, hồ Suối Đá hiện hữu, sửa chữa lại bằng bê tông và BTCT. | 740 |
| 13 | Sửa chữa cụm điều tiết tại K6+475, K7+100 trên kênh N3, hồ Sông Quao. | Đập; hệ thống dẫn, chuyển | Cụm điều tiết tại K6+475, K7+100, kết cấu đá xây, hiện bị gãy sập. | Trên nền cụm điều tiết tại K6+475, K7+100 trên kênh N3 hiện hữu, sửa chữa lại bằng bê tông và BTCT. | 300 |
| 14 | Sửa chữa cụm điều tiết Cà Na trên kênh chính hồ Thiêm. | Đập; hệ thống dẫn, chuyển | Cụm điều tiết bằng cọc cừ, đá đổ hiện không còn khả năng sử dụng. | Trên nền cụm điều tiết Cà Na hiện hữu, sửa chữa lại bằng bê tông và BTCT. | 700 |
| 15 | Sửa chữa kênh chính Đông, hồ Đaguiry. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+280 đến K0+610, kết cấu bê tông, hiện nay đáy kênh bị lún, sụt, tường 02 bên kênh bị gãy, sập hoàn toàn. | Sửa chữa kênh chính Đông, hồ Đaguiry đoạn từ K0+280 đến K0+610, dài 330m bằng BTCT, hình thức kênh hở, mặt cắt chữ nhật. | 800 |
| 16 | Sửa chữa công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác hồ Đaguiry. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | - Nhà kho để các dụng cụ phục vụ quản lý hồ, cột bằng gỗ tạp, xung quang căng bạt, hiện bị hư hỏng hoàn toàn. - Đoạn đường từ vào nhà quản lý bị lún, sụt, gây đọng nước khi có mưa, khó khăn khi di chuyển đi lại. | - Sửa chữa lại nhà kho, diện tích sửa chữa 24m ² . - Sửa chữa đoạn đường vào nhà quản lý dài 8,0m bằng giải pháp đắp đất chọn lọc hoàn trả các vị trí bị lún, sụt, mặt đường gia cố lớp bê tông. | 210 |
| 17 | Sửa chữa bờ tả kênh N4, hồ | Hệ thống dẫn, | Bờ tả kênh kết hợp làm đường giao | Sửa chữa bờ tả kênh N4, hồ Salond | 200 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|----|--|--|--|--|------------------------------|
| | Saloun. | chuyển nước | thông nội đồng hiện bị lún, sụt, khi có mưa gây đọng nước, khó khăn khi lưu thông đi lại. | bằng giải pháp đắp đất chọn lọc hoàn trả các vị trí bị lún sụt, dài 2.557m. | |
| 18 | Sửa chữa kênh chính Sông Quao. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K9+883 đến K15+856, lòng và mái kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng và mái kênh chính Sông Quao đoạn từ K9+883 đến K15+856, dài 5.973m. | 320 |
| 19 | Sửa chữa nhà quản lý hồ Sông Quao. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | Mái che mặt sau nhà quản lý bằng gỗ tạp căng tấm bạt nhựa, hiện không còn khả năng sử dụng. | Sửa chữa mái che mặt sau nhà quản lý hồ Sông Quao, diện tích 90m ² . | 110 |
| 20 | Sửa chữa kênh N15B, hồ Sông Quao. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0 đến K0+110, kết cấu đá xây, hiện nay đáy kênh bị lún, sụt, tường 02 bên bị gãy, sập hoàn toàn. | Sửa chữa kênh N15B đoạn từ K0 đến K0+110, dài 110m từ đá xây sang BTCT, hình thức kênh hở, mặt cắt chữ nhật. | 470 |
| 21 | Sửa chữa nhà quản lý đập Châu Tá. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | Qua thời gian sử dụng lâu năm, hiện nay tường bị bong tróc lớp vữa trát và lớp sơn, la thông mục nát, mái dột nước. | Tô trát tường tại các vị trí bị bong tróc, cạo bỏ lớp sơn cũ, bả matis, hoàn thiện sơn nước, thay mới cửa đi, cửa sổ và la thông. | 330 |
| 22 | Sửa chữa mái tả kênh chính Sông Khán, hồ Sông Khán. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Mái tả đoạn từ K0+632 đến K0+867 bị sạt lở nghiêm trọng, gây mất ổn định kênh. | Sửa chữa mái tả kênh chính Sông Khán đoạn từ K0+632 đến K0+867 dài 235m từ mái đất, mặt cắt hình thang sang mái bê tông tường trọng lực, mặt cắt hình thang. | 900 |
| 23 | Sửa chữa Xi phong số 13 tại K21+585 trên kênh chính Sông Quao. | Hệ thống dẫn, chuyển nước; Cống | Đoạn kênh dẫn cửa vào Xi phong số 13 tại K21+585 bằng đá xây, hiện bị gãy, sập hoàn toàn; đoạn kênh dẫn hạ lưu xi phong bị bồi lắng. | Sửa chữa đoạn kênh dẫn cửa vào Xi phong số 13 tại K21+585 trên kênh chính Sông Quao từ đá xây sang bê tông; nạo vét đất bồi lắng đoạn | 195 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|-----------|--|--|---|---|------------------------------|
| | | | | kênh dẫn hạ lưu xi phông dài 100m. | |
| 24 | Sửa chữa hàng rào, sân nền nhà quản lý hồ Cẩm Hang. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | - Hàng rào hiện bị gãy, sập. - Sân xung quanh nhà bị lún, sụt, thường xuyên bị đọng nước khi có mưa. | - Sửa chữa lại hàng rào với tổng chiều dài 182,5m. - Sân xung quanh nhà quản lý: Đắp đất bồi nền hoàn trả các vị trí bị lún, sụt, trên bề mặt gia cố lớp bê tông, tổng diện tích sửa chữa 1.260m ² . | 950 |
| 25 | Sửa chữa kênh tiếp nước về đập Phú Hội. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+000 đến K0+700. Qua thời gian sử dụng lâu năm, hiện nay bê tông bị xâm thực gây rò rỉ nước trong kênh, khi mở nước tưới và tiếp về đập Phú Hội nước tràn qua đỉnh tường kênh, gây sạt lở 02 bên bờ kênh. | Sửa chữa kênh tiếp về đập Phú Hội đoạn từ K0+000 đến K0+700, dài 700m bằng giải pháp tô trát đáy và tường mặt trong bằng vữa xi măng, tôn cao tường kênh thêm 40cm bằng gạch táp lô; đắp đất chọn lọc hoàn trả các vị trí bị sạt lở 02 bên bờ kênh. | 320 |
| IV | Huyện Hàm Thuận Nam | 09 hạng mục | | | 3.700 |
| 1 | Sửa chữa các tuyến kênh cấp 1 (N2, N2 - Phú Sung, N10) thuộc kênh chính Đông, hồ Ba Bàu. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Các tuyến kênh N2 đoạn từ K0+000 đến K2+350, K2+800 đến K3+150 và K4+200 đến Kc; kênh N2 – Phú Sung đoạn từ K0 đến Kc; kênh N10 đoạn từ K0+303 đến Kc, lòng kênh bị bồi lắng, mái bị sạt lở. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh, đắp áp trúc các vị trí mái kênh bị sạt lở trên tuyến kênh N2 đoạn từ K0+000 đến K2+350, K2+800 đến K3+150 và K4+200 đến Kc; kênh N2 – Phú Sung đoạn từ K0 đến Kc; kênh N10 đoạn từ K0+303 đến Kc với tổng chiều dài 7.542m. | 300 |
| 2 | Sửa chữa kênh chính Bắc Ba Bàu. | Hệ thống dẫn, | Đoạn từ K7+877 đến K8+266; đoạn từ | Nạo vét khối lượng đất bồi lắng | 160 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|----|--|--|---|---|------------------------------|
| | | chuyển nước | K14+075 đến K16+254, lòng kênh bị bồi lắng, bờ kênh lún sụt. | trong lòng kênh, đắp đất hoàn trả các vị trí bị lún sụt trên bờ kênh chính bắc Ba Bàu đoạn từ K7+877 đến K8+266; đoạn từ K14+075 đến K16+254, tổng chiều dài 2.568m. | |
| 3 | Sửa chữa hàng rào hạ lưu đập chính hồ Tân Lập. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | Hàng rào hạ lưu đập chính bằng cọc gỗ, căng dây kẽm gai, hiện bị hư hỏng hoàn toàn. | Sửa chữa hàng rào hạ lưu đập chính hồ Tân Lập từ cọc gỗ sang trụ BTCT, trong căng dây kẽm gai, chiều dài 520m. | 100 |
| 4 | Sửa chữa kênh N8 Ba Bàu. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+596 đến K1+000 kết cấu bằng đá xây, hiện nay đáy kênh bị lún, sụt, tường 02 bên kênh bị gãy, sập hoàn toàn. | Sửa chữa kênh N8 Ba Bàu đoạn từ K0+596 đến K1+000, dài 404m từ đá xây sang BTCT, hình thức kênh hở, mặt cắt chữ nhật. | 995 |
| 5 | Sửa chữa kênh chuyển nước hồ Sông Móng - hồ Đu Đủ - hồ Tân Lập. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K1+000 đến K1+500 và đoạn từ K3+400 đến K7+458 (tuyến hồ Đu Đủ - hồ Tân Lập), lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lấp trong lòng kênh chuyển nước hồ Sông Móng - hồ Đu Đủ - hồ Tân Lập (tuyến hồ Đu Đủ - hồ Tân Lập), dài 4.558m. | 450 |
| 6 | Sửa chữa kênh chính Tà Mon. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0 đến Kc, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính hồ Tà Mon, dài 1.113m. | 55 |
| 7 | Sửa chữa mặt đập, rãnh thoát nước mái hạ lưu đập chính hồ Đu Đủ. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | Các khe co giãn giữa các tấm bê tông gia cố mặt đập bị tách rời; rãnh tiêu nước dọc mái hạ lưu đập bị bồi lấp và gãy sập tại một số vị trí. | Sửa chữa các khe co giãn giữa các tấm bê tông gia cố mặt đập bằng giải pháp bơm vữa xi măng M100; nạo vét đất bồi lấp trong rãnh tiêu nước dọc mái hạ lưu đập và khôi phục lại các vị trí bị gãy, sập bằng bê tông. | 230 |
| 8 | Sửa kênh chính Hàm Càn, đập | Hệ thống dẫn, | - Kênh chính đoạn từ K1+290 đến | - Sửa chữa mái hữu kênh chính | 960 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|----------|---|---------------------------|--|---|------------------------------|
| | Hàm Cản. | chuyển nước | K1+440 mái hữu kênh bị sạt lở nghiêm trọng. - Công tiêu kết hợp tràn ra tại K4+589 trên kênh chính: Phần đất đắp lưng tường và phần mái gia cố mái bảo vệ tường thượng lưu bên hữu lún, sụt, gãy, sập. | Hàm Cản đoạn từ K1+290 đến K1+440 dài 150m bằng tường bê tông. - Đắp đất hoàn trả vị trí bị lún sụt phía lưng tường thượng lưu bên hữu; gia cố mái bảo vệ tường thượng lưu bên hữu công tiêu kết hợp tràn ra tại K4+589 trên kênh chính đập Hàm Cản bằng bê tông. | |
| 9 | Sửa chữa bờ tả, mái tả kênh chính Đu Đủ. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Bờ tả kênh đoạn từ K1+233 đến K1+487 có kết hợp đường giao thông, hiện bị lún, sụt, gây khó khăn khi lưu thông đi lại; mái tả kênh đoạn từ K1+281 đến K1+381 bị sạt lở nghiêm trọng, gây mất ổn định kênh. | - Sửa chữa bờ tả kênh chính Đu Đủ đoạn từ K1+233 đến K1+487, dài 254m bằng giải pháp đắp đất chọn lọc hoàn trả các vị trí lún sụt, trên đắp lớp đất sỏi dôi dày 20cm, rộng 4,0m, tạo độ dốc 2% về 02 bên. - Sửa chữa mái tả kênh chính Đu Đủ đoạn từ K1+281 đến K1+381, dài 120m bằng tường bê tông trọng lực, mặt cắt hình thang. | 450 |
| V | Huyện Hàm Tân | 04 hạng mục | | | 1.170 |
| 1 | Sửa chữa kênh tiếp nước hồ Sông Dinh 3 – đập Cô Kiều. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+370 đến Kc, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh kênh tiếp nước hồ Sông Dinh 3 – đập Cô Kiều đoạn từ K0+370 đến Kc, dài 4.052m. | 700 |
| 2 | Sửa chữa công lấy nước đầu mối và kênh chính đập Cô Kiều. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | - Công lấy nước đầu mối: Cửa vào bị bồi lắng, hạn chế khả năng lấy nước qua công. | - Nạo vét khối lượng đất bồi lắng khu vực cửa vào công lấy nước đầu mối. | 330 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|-----------|--|---------------------------|--|---|-------------------------------------|
| | | | - Kênh chính đập Cô Kiều: + Đoạn từ K0+000 đến K4+900, lòng kênh bị bồi lắng. + Đoạn từ K4+900 đến K5+091, khi xảy ra mưa lớn, nước 02 bên kênh chảy tràn vào kênh, gây quá tải. | - Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh kênh chính đập Cô Kiều đoạn từ K0+000 đến K4+900, dài 4.900m; tôn cao tường kênh đoạn từ K4+900 đến K5+091, dài 191m thêm 40 cm bằng gạch Block xây vữa xi măng. | |
| 3 | Sửa chữa kênh chính hồ Tân Hà. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+000 đến K1+683, lòng kênh bị bồi lắng | Nạo vét đất bồi lắng lòng kênh chính hồ Tân Hà đoạn từ K0+000 đến K1+683, dài 1.683m. | 40 |
| 4 | Sửa chữa kênh chính hồ Sông Phan. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K6+024 đến K8+235, lòng kênh bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính hồ hồ Sông Phan đoạn từ K6+024 đến K8+235, dài 2.211m. | 100 |
| VI | Thị xã La Gi | 08 hạng mục | | | 2.040 |
| 1 | Sửa chữa kênh chính và kênh tiếp nước hồ Núi Đất. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh chính đoạn từ K0+000 đến K1+600; kênh tiếp nước đoạn từ K0+000 đến K1+800, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính hồ Núi Đất đoạn từ K0+000 đến K1+600, dài 1.600m và lòng kênh tiếp nước đoạn từ K0+000 đến K1+800, dài 1.800m. | 220 |
| 2 | Sửa chữa kênh chính Suối Le và kênh tiếp nước Suối Le. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh chính Suối Le đoạn từ K0+000 đến K4+326; kênh tiếp nước Suối Le đoạn từ K0+000 đến K3+350, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính Suối Le đoạn từ K0+000 đến K4+326, dài 4.326m và lòng kênh tiếp nước Suối Le đoạn từ K0+000 đến K3+350, dài 3.350m. | 240 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|-----------|--|----------------------------|--|---|-------------------------------------|
| 3 | Sửa chữa kênh tiếp nước Núi Đất - Tân Bình. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn K0+000 đến K2+400, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng lòng kênh tiếp nước Núi Đất - Tân Bình đoạn từ K0+000 đến K2+400, dài 2.400m. | 100 |
| 4 | Sửa chữa kênh chính đập Láng Đá. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Lòng kênh đoạn từ K0+000 đến K2+400 bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng lòng kênh chính đập Láng Đá đoạn từ K0+000 đến K2+400, dài 2.400 m. | 40 |
| 5 | Sửa chữa kênh chính đập Suối Dứa. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+000 đến K1+500, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng lòng kênh chính đập Suối Dứa đoạn từ K0+000 đến K1+500, dài 1.500 m. | 70 |
| 6 | Sửa chữa kênh dẫn vào bể hút trạm bơm Đá Dựng. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn kênh dẫn vào bể hút trạm bơm đoạn từ K0 đến K0+030, mái tả, mái hữu bị sạt lở; đoạn từ K0+030 đến Kc, lòng kênh bị bồi lắng. | Sửa chữa đoạn kênh dẫn vào bể hút trạm bơm Đá Dựng từ K0+000 đến K0+030, dài 30m bằng ống buy ly tâm đúc sẵn; nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh đoạn từ K0+030 đến Kc, dài 390,5m. | 220 |
| 7 | Sửa chữa kênh chính đập Suối Đó. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | - Đoạn từ K0+000 đến K0+872,5; K1+035,5 đến K3+613 và K4+675 đến K6+305, lòng kênh bị bồi lắng. - Đoạn từ K0+872,5 đến K1+035,5, kết cấu đá xây hiện bị gãy, sập. | - Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính đập Suối Đó đoạn từ K0+000 đến K0+872,5; K1+035,5 đến K3+613 và K4+675 đến K6+305, dài 5.080m. - Sửa chữa kênh chính đập Suối Đó K0+872,5 đến K1+035,5, dài 163m từ đá xây sang bê tông, hình thức kênh hở, mặt cắt chữ nhật. | 930 |
| 8 | Sửa chữa đường điện phục vụ quản lý, khai thác hồ Núi Đất. | Công trình phụ trợ phục vụ | Hiện tại nguồn điện phục vụ sinh hoạt tại nhà quản lý hồ Núi Đất sử dụng | Xây dựng đường điện dài 400m và lắp đặt công tơ điện phục vụ sinh | 220 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|------------|---|------------------------------------|---|---|------------------------------|
| | | quản lý, khai thác thủy lợi | chung với hộ dân. | hoạt tại nhà quản lý hồ Núi Đất. | |
| VII | Huyện Tánh Linh | 17 hạng mục | | | 5.997 |
| 1 | Sửa chữa kênh tiêu Hai Cô - Ba Thê, trạm bơm Bắc Ruộng | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đáy kênh bồi lắng, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước trong mùa mưa lũ. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh tiêu Hai Cô – Ba Thê, chiều dài 2.400m. | 370 |
| 2 | Sửa chữa kênh chính Bắc, hệ thống thủy lợi Tà Pao. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K13+150 đến K15+750, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng lòng kênh chính Bắc, hệ thống thủy lợi Tà Pao đoạn từ K13+150 đến K15+750, dài 2600m. | 340 |
| 3 | Sửa chữa kênh BN1, hệ thống thủy lợi Tà Pao. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K5+500 đến K6+100, lòng kênh bị bồi lắng | Nạo vét đất bồi lắng lòng kênh BN1 đoạn từ K5+500 đến K6+100, dài 600m. | 120 |
| 4 | Sửa chữa kênh chính Nam đoạn K1+000 đến K1+466, K1+722 đến K2+250; cống tiêu vào kênh tại K1+000 và cống lấy nước tại K1+956 trên kênh chính Nam, hệ thống thủy lợi Tà Pao. | Hệ thống dẫn, chuyển nước; Cống | <ul style="list-style-type: none"> - Kênh chính Nam đoạn từ K1+000 đến K1+466 và K1+722 đến K2+250, mái tả, mái hữu kênh sạt lở nghiêm trọng, gây bồi lắng lòng kênh. - Cống tiêu vào kênh chính Nam tại K1+000 bằng ống nhựa PVC, hiện bị hư hỏng hoàn toàn. - Cống tưới trên kênh chính Nam tại K1+956, kết cấu bê tông hiện bị hư hỏng hoàn toàn. | <ul style="list-style-type: none"> - Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh, đắp đất áp trực mái tả, mái hữu kênh chính Nam đoạn từ K1+000 đến K1+466, K1+722 đến K2+250, dài 994m. - Khôi phục lại cống tiêu vào kênh chính Nam tại K1+000, hình thức cống hở, mặt cắt chữ nhật, kết cấu bê tông. - Khôi phục cống lấy nước tại K1+956 trên kênh chính Nam, hình thức cống hở, mặt cắt chữ nhật, kết cấu bê tông. | 990 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|----|---|---------------------------|---|---|------------------------------|
| 5 | Sửa chữa kênh N2, hệ thống thủy lợi Tà Pao. | Hệ thống dẫn, chuyên nước | Đoạn từ K0+000 đến K3+642, lòng kênh bồi lắng, mái tả, mái hữu bị sạt lở, bờ tả, bờ hữu bị lún, sụt. | Sửa chữa kênh N2, hệ thống thủy lợi Tà Pao đoạn từ K0+000 đến K3+642, dài 3.642m bằng giải pháp: Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh; đắp đất chọn lọc tại các vị trí bị sạt lở bên mái tả, mái hữu và các vị trí bị lún, sụt bên bờ tả, bờ hữu kênh. | 560 |
| 6 | Sửa chữa xi phong K7+820 đến K7+960 trên kênh chính Nam, hệ thống thủy lợi Tà Pao | Hệ thống dẫn, chuyên nước | Đoạn kênh dẫn hạ lưu xi phong bị sạt lở nghiêm trọng, gây mất ổn định công trình. | Sửa chữa đoạn kênh dẫn hạ lưu xi phong K7+820 đến K7+960 trên kênh chính Nam, hình thức kênh hở, mặt cắt hình thang, kết cấu đất sang kết cấu bê tông. | 910 |
| 7 | Sửa chữa cửa vào, cửa ra các cống tiêu tại K4+324, K5+415, K5+924, K6+650, K8+377, K15+762, K17+518, K10+900 trên kênh chính Bắc và các cống tiêu tại K3+035, K4+526, K5+350, K6+886, K9+196, K10+819, K11+428, K12+015, K12+908, K13+925, K15+995, K16+645, K17+475, K16+963 trên kênh chính Nam hệ thống thủy lợi Tà Pao. | Cống | Các cống tiêu tại K4+324, K5+415, K5+924, K6+650, K8+377, K15+762, K17+518, K10+900 trên kênh chính Bắc và các cống tiêu tại K3+035, K4+526, K5+350, K6+886, K9+196, K10+819, K11+428, K12+015, K12+908, K13+925, K15+995, K16+645, K17+475, K16+963 trên kênh chính Nam, cửa vào, cửa ra bị bồi lắng nghiêm trọng, không bảo đảm yêu cầu tiêu thoát nước qua cống khi có mưa, lũ xảy ra. | Nạo vét đất bồi lắng tại cửa vào, cửa ra các cống tiêu tại K4+324, K5+415, K5+924, K6+650, K8+377, K15+762, K17+518, K10+900 trên kênh chính Bắc và các cống tiêu tại K3+035, K4+526, K5+350, K6+886, K9+196, K10+819, K11+428, K12+015, K12+908, K13+925, K15+995, K16+645, K17+475, K16+963 trên kênh chính Nam đến cao trình đáy thiết kế. | 400 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|----|---|---------------------------|---|--|------------------------------|
| 8 | Sửa chữa kênh N2, trạm bơm Gia An. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+000 đến Kc, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh N2 trạm bơm Gia An đoạn từ K0+000 đến Kc, dài 1.600m. | 27 |
| 9 | Sửa chữa kênh chính Bắc, kênh tiêu bên hông nhà trạm bơm Bắc Ruộng. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | - Kênh chính Bắc đoạn từ K0+025 đến K2+780, lòng kênh bị bồi lắng. - Kênh tiêu bên hông nhà trạm bơm Bắc Ruộng: Mái tả, mái hữu kênh bị sạt lở nghiêm trọng, đa dọa đến sự ổn định nhà trạm bơm. | - Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính Bắc đoạn từ K0+025 đến K2+780, dài 2.755m. - Sửa chữa lại kênh tiêu bên hông nhà trạm bơm Bắc Ruộng bằng bê tông và ống buy. | 500 |
| 10 | Sửa chữa kênh chính, kênh N3, kênh N5, trạm bơm Lạc Tánh. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh chính đoạn từ K0+000 đến K3+500; kênh N3 đoạn từ K0+000 đến K1+741; kênh N5 đoạn từ K0+000 đến K1+314, lòng kênh bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng các tuyến kênh thuộc trạm bơm Lạc Tánh gồm: Kênh chính đoạn từ K0+000 đến K3+500; kênh N3 đoạn từ K0+000 đến K1+741; kênh N5 đoạn từ K0+000 đến K1+314, tổng chiều dài 6.555m. | 100 |
| 11 | Sửa chữa kênh chính, trạm bơm Đồng Kho. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K0+000 đến K1+537, lòng kênh bị bồi lắng | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính trạm bơm Đồng Kho đoạn từ K0+000 đến K1+537, dài 1.537m. | 56 |
| 12 | Sửa chữa kênh chính Tây, kênh chính Đông, đập Đá Chồng. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh chính Tây dài 355m và kênh chính Đông dài 115m, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính Tây, kênh chính Đông, đập Đá Chồng, tổng chiều dài 470m. | 43 |
| 13 | Sửa chữa kênh chính đập Suối Trầu. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh chính dài 390m, lòng kênh bị bồi lắng nghiêm trọng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính đập Suối Trầu, dài 390m. | 31 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|-------------|---|--|--|---|-------------------------------------|
| 14 | Sửa chữa kênh chính Đông, kênh chính Tây, đập Sông Cát. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh chính Tây đoạn từ K0+000 đến K3+000 và kênh chính Đông đoạn từ K0+489 đến K1+658, lòng kênh bị bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh chính Tây và kênh chính Đông, đập Sông Cát, dài 4.169m. | 200 |
| 15 | Sửa chữa kênh tiêu suối Lập Lài, cống tiêu vào kênh tiêu suối Lập Lài tại K1+550. | Hệ thống dẫn, chuyển nước; Cống | - Kênh tiêu đoạn từ K0+050 đến K1+150, lòng kênh bị bồi lắng nghiêm trọng, không đảm bảo tiêu nước của kênh khi có mưa lớn. - Cống tiêu vào kênh tại K1+550, kết cấu bê tông, hiện bị gãy, sập hoàn toàn. | - Nạo vét đất bồi lắng trong lòng kênh tiêu suối Lập Lài đoạn từ K0+050 đến K1+150, dài 1.100m. - Sửa chữa lại cống tiêu vào kênh tại K1+550, hình thức cống hở, mặt cắt chữ nhật, kết cấu bê tông và BTCT, bố trí cửa van điều tiết và thiết bị vận hành cửa van. | 850 |
| 16 | Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ lòng đập Tà Pao, hệ thống thủy lợi Tà Pao. | Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi | Trong hành lang bảo vệ lòng đập dâng Tà Pao chưa cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ để phân định ranh giới phạm vi bảo vệ đập và vùng lòng đập Tà Pao nhằm cung cấp thông tin đến các tổ chức, cá nhân biết phạm vi không được phép lấn chiếm và tác động lên công trình, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý khai thác, bảo vệ hệ thống thủy lợi Tà Pao. | Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập và vùng lòng đập dâng Tà Pao theo quy định tại Luật Thủy lợi và Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. | 180 |
| 17 | Sửa chữa kênh chính Nam đoạn từ K10+256 đến K12+015, hệ thống thủy lợi Tà Pao. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Đoạn từ K10+256 đến K12+015, lòng kênh bồi lắng. | Nạo vét đất bồi lắng lòng kênh chính Nam đoạn từ K10+256 đến K12+015, dài 1.759m. | 320 |
| VIII | Huyện Đức Linh | 08 hạng mục | | | 1.023 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|-----------|---|--------------------------------|--|--|-------------------------------------|
| 1 | Sửa chữa kênh tưới, tiêu kẹp theo kênh N10 và N12, trạm bơm Đa Kai. | Hệ thống dẫn chuyển nước | Kênh tưới tiêu dọc kênh N10 và kênh N12, đáy kênh bị bồi lấp. | Nạo vét đất bồi lấp trong lòng kênh tưới, tiêu kẹp theo kênh N10 và N12, tổng chiều dài 2.240m. | 55 |
| 2 | Sửa chữa kênh N1, kênh N8, trạm bơm Võ Xu. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh N1 đoạn từ K0+000 đến K0+900; kênh N8 đoạn từ K1+452 đến K1+838, lòng kênh bị bồi lấp. | Nạo vét đất bồi lấp lòng kênh N1 đoạn từ K0+000 đến K0+900, dài 900m và kênh N8 đoạn từ K1+452 đến K1+838, dài 386m. | 15 |
| 3 | Sửa chữa các kênh N2, N4, N6, trạm bơm Sùng Nhơn | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Các tuyến kênh N2 đoạn từ K0+000 đến K1+052; N4 đoạn từ K0+000 đến K1+600; N6 đoạn từ K0+000 đến K0+825, lòng kênh bị bồi lấp. | Nạo vét đất bồi lấp trong lòng các tuyến kênh: N2 đoạn từ K0+000 đến K1+052, dài 1.052m; N4 đoạn từ K0+000 đến K1+600, dài 1.600m; N6 đoạn từ K0+000 đến K0+825, dài 825m. | 70 |
| 4 | Sửa chữa kênh chính Tây, kênh chính Nam đập K'Ho. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh chính Tây đoạn từ K0+000 đến K1+790, kênh chính Nam đoạn từ K0 đến K0+530, lòng kênh bị bồi lấp. | Nạo vét đất bồi lấp lòng kênh chính Tây đoạn từ K0+000 đến K1+790, dài 1.790m và ênh chính Nam đoạn từ K0 đến K0+530, dài 530m. | 50 |
| 5 | Sửa chữa thượng lưu đập Chu Lu. | Đập; Hệ thống dẫn, chuyển nước | Khu vực thượng lưu đập Chu Lu bị bồi lấp nghiêm trọng, ảnh hưởng khả năng lấy nước qua cống. | Nạo vét đất bồi lấp phía thượng lưu đập Chu Lu với chiều dài 70m. | 18 |
| 6 | Sửa chữa kênh N2, kênh N8, trạm bơm Đức Tài. | Hệ thống dẫn, chuyển nước | Kênh N2 đoạn từ K2+950 đến K5+460; kênh N8 đoạn từ K0+000 đến K1+300, lòng kênh bị bồi lấp. | Nạo vét đất bồi lấp lòng kênh N2 đoạn từ K2+950 đến K5+460, dài 2.510m và kênh N8 đoạn từ K0+000 đến K1+300, dài 1.300m. | 70 |

| TT | Tên địa phương/Tên công trình | Loại tài sản | Hiện trạng | Nội dung, khối lượng bảo trì | Khái toán kinh phí (tr.đồng) |
|------------------|--|------------------------------------|---|--|-------------------------------------|
| 7 | Sửa chữa cửa vào, cửa ra các cống tiêu tại K18+715, K19+155, K21+722, K23+102, K25+878, K26+321, K29+685, K31+448 trên kênh chính Bắc và các cống tiêu tại K24+848, K25+762, K26+290, K30+312 trên kênh chính Nam, hệ thống thủy lợi Tà Pao. | Cống | Các cống tiêu tại K18+715, K19+155, K21+722, K23+102, K25+878, K26+321, K29+685, K31+448 trên kênh chính Bắc và các cống tiêu tại K24+855, K25+762, K26+290, K30+297 trên kênh chính Nam, cửa vào, cửa ra bị bồi lấp, không bảo đảm yêu cầu tiêu thoát nước qua cống khi có mưa, lũ xảy ra. | Nạo vét đất bồi lấp tại cửa vào, cửa ra các cống tiêu tại K18+715, K19+155, K21+722, K23+102, K25+878, K26+321, K29+685, K31+448 trên kênh chính Bắc và các cống tiêu tại K24+855, K25+762, K26+290, K30+297 trên kênh chính Nam đến cao trình đáy thiết kế. | 250 |
| 8 | Sửa chữa kênh chính Bắc, cống tưới tiêu kết hợp tại K19+140 trên kênh chính Bắc, hệ thống thủy lợi Tà Pao. | Hệ thống dẫn, chuyển nước; Cống | - Kênh chính Bắc đoạn K19+687 đến K22+137, lòng kênh bị bồi lắng. - Cống tưới tiêu tại K19+140 trên kênh chính Bắc bằng ống thép hiện bị rỉ sét, thủng lỗ. | - Nạo vét đất bồi lắng lòng kênh chính Bắc đoạn K19+687 đến K22+137, dài 2.450m. - Sửa chữa lại cống tưới tiêu tại K19+140 trên kênh chính Bắc từ ống thép sang cống hở, kết cấu bê tông, mặt cắt chữ nhật. | 495 |
| TỔNG CỘNG | | 111 HẠNG MỤC | | | 37.440 |